UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 393 /QĐ-SGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 30 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý thu hồi phù hiệu phương tiện vi phạm tốc độ thông qua dữ liệu trích xuất từ Hệ thống thiết bị giám sát hành trình

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định;

Căn cứ kết quả tổng hợp, phân tích dữ liệu vi phạm tốc độ trong tháng 05 năm 2022 được trích xuất từ Hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi phù hiệu đối với 46 phương tiện của 27 đơn vị kinh doanh vận tải do vi phạm tốc độ trong tháng 05 năm 2022.

(Danh sách chi tiết các đơn vị có phương tiện vi phạm tốc độ bị thu hồi phù hiệu theo Phụ lục đính kèm)

Lý do thu hồi phù hiệu: Có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) theo quy định tại điểm b, khoản 10, Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Điều 2. Phù hiệu đã cấp cho các phương tiện nêu tại Điều 1 không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Yêu cầu các đơn vị vận tải có phương tiện vi phạm tại Điều 1 Quyết định:

- Trong vòng 07 ngày kể từ khi Quyết định được ban hành phải nộp lại phù hiệu về Sở Giao thông vận tải Bình Định.

- Không được sử dụng phương tiện bị thu hồi phù hiệu để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu.

- Tổ chức kiểm điểm chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của Bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông; yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm

chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe, thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định trong suốt quá trình tham gia giao thông.

- Nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện tham gia kinh doanh vận tải thì đơn vị kinh doanh vận tải phải làm thủ tục để được cấp lại phù hiệu theo quy định tại Khoản 7, Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.

Điều 4. Giao các phòng chuyên môn thuộc Sở:

- Phòng Quản lý vận tải có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu hồi phù hiệu các phương tiện nêu tại Điều 1 của Quyết định này.

- Thanh tra Sở phối hợp các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm theo quy định đối với các trường hợp phương tiện còn sử dụng phù hiệu bị thu hồi nêu trên vào hoạt động kinh doanh vận tải.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng Phòng Quản lý Vận tải, Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Giám đốc các đơn vị có phương tiện vi phạm và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (b/c);
- Tổng cục ĐBVN (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Công an các tỉnh, TP (p/h);
- Sở GTVT các tỉnh, TP (p/h);
- Các bến xe khách liên quan;
- Website Sở;
- Lưu: VT, QLVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG TIỆN BỊ THU HỒI PHÙ HIỆU DO VI PHẠM TỐC ĐỘ TỪ 5 LẦN/1000 KM TRONG THÁNG 5/2022

(Kèm theo Quyết định số 393 /QĐ-SGTVT ngày 30 /6/2022 của Sở GTVT Bình Định)

STT	Biển kiểm soát xe	Loại hình	Đơn vị vận tải	Số lần vi phạm tốc độ /1000 Km	Tổng km hành trình
1	77B00807	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH BẢY TÀU	29,70179	4.713,52
2	77B02415	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH BẢY TÀU	21,07674	7.970,87
3	77B01520	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DŨNG	88,84113	15.522,09
4	77B01063	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DŨNG	83,10253	7.316,26
5	77B01429	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DŨNG	76,15401	15.888,85
6	77F00200	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DŨNG	74,47869	16.850,46
7	77B00857	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DŨNG	69,59049	16.999,45
8	77B00785	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG DŨNG	61,94663	5.795,31
9	77C07506	Xe Container	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI NHẬT THỊNH	24,00000	306,24
10	77C09139	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH DV TM VẬN TẢI TẤN TỚI	27,24952	2.532,15
11	77B01507	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DV VẬN TẢI DU LỊCH THẢO NGUYÊN	43,49360	6.391,75
12	77C16379	Xe Container	CÔNG TY TNHH TM TỔNG HỢP TRUNG SƠN	23,68359	4.433,45
13	77H01475	Xe Container	CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI THÀNH XUÂN	55,39338	9.188,82
14	77H00796	Xe Container	CÔNG TY TNHH TOÀN TÂM	22,78608	6.626,85
15	77B01813	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐIỂM MÀU	72,01642	1.083,09
16	77B01887	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐIỂM MÀU	66,88477	1.883,84
17	77B01475	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐIỂM MÀU	59,71444	3.801,43
18	77B02408	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐIỂM MÀU	56,98395	12.722,88
19	77B01233	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐIỂM MÀU	55,57777	2.716,91
20	77B02402	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH DŨNG LỆ	55,61550	2.535,26
21	77B01181	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI Ô TÔ KIM LIÊN	20,27167	6.708,87
22	77C10110	Xe Container	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TIẾN DŨNG	20,26888	3.749,59

STT	Biển kiểm soát xe	Loại hình	Đơn vị vận tải	Số lần vi phạm tốc độ /1000 Km	Tổng km hành trình
23	77C19837	Xe Container	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRÚC PHƯƠNG	25,88497	6.644,78
24	77F00096	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH XUÂN PHÚC	96,28516	21.280,54
25	77B02236	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ TATACO	54,21687	13.630,44
26	77B00498	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ TATACO	34,58047	3.672,59
27	77B02675	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI CƠ GIỚI 30/3 PHÙ MỸ	46,31306	21.462,63
28	77B02250	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI CƠ GIỚI 30/3 PHÙ MỸ	27,35282	3.984,96
29	77B01331	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ 2-9 QUY NHƠN	28,57042	20.545,73
30	77B01443	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI HOÀI NHƠN	24,42526	19.201,43
31	77F00248	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI HOÀI NHƠN	23,95818	7.471,35
32	77B02029	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI HOÀI NHƠN	20,74330	21.693,75
33	77B01558	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ AN LÃO	71,08144	27.545,87
34	77B01279	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ AN LÃO	70,48093	27.071,15
35	77B00539	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ AN LÃO	59,30483	1.585,03
36	77B01471	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ AN LÃO	45,30084	14.966,61
37	77B01785	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI Ô TÔ HOÀI ÂN	40,62868	3.125,87
38	77H02065	Xe tải	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÁT THÀNH	14,00000	904,70
39	77H02095	Xe tải	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÁT THÀNH	10,31136	4.073,18
40	77H02474	Xe tải	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TỔNG HỢP TẤN ĐẠT	13,35808	12.052,63
41	77C16516	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THANH SANG	13,28094	4.743,64
42	77C14562	Xe Container	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẬN TẢI THÁI DƯƠNG	13,00000	542,71
43	77C12802	Xe Container	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NGUYỄN	12,70545	7.240,99
44	77C15571	Xe Container	CN CÔNG TY CP ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI TẠI BÌNH ĐỊNH	10,90060	1.926,50
45	77H01861	Xe tải	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM VÀ DV TÍN THÀNH	10,72949	5.871,67
46	77H02941	Xe tải	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM VÀ DV TÍN THÀNH	10,34155	4.641,47